

UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 355/SGD&ĐT- TCCB
V/v góp ý Dự thảo Kế hoạch xây dựng,
nâng cao chất đội ngũ nhà giáo và cán bộ
quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2011

Kính gửi:


- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng kết Kế hoạch 2445/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2005 và xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015.(đính kèm Dự thảo)

Để đảm bảo tính khả thi của Kế hoạch, Sở GD&ĐT đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố góp ý vào bản Dự thảo và gửi về Phòng TCCB Sở GD&ĐT qua địa chỉ mail phongtccb.sobentre@moet.edu.vn trước ngày 01/4/2011, Sở tổng hợp, chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. ↴

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Bửu

Số: /KH-UBND

Bến Tre, ngày tháng năm 2011

Dự thảo

KẾ HOẠCH

Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đến năm 2015

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010”, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng đội nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015 như sau:

I- KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC:

1- Thực trạng:

1.1- Về số lượng:

Hiện nay ngành Giáo dục và Đào tạo có 1.065 cán bộ quản lý và 12.465 giáo viên thuộc cấp học Mầm non, Phổ thông và Giáo dục thường xuyên.

Trong đó:

- Mầm Non 252 cán bộ quản lý, 1.247 giáo viên
- Tiểu học 409 cán bộ quản lý, 4.745 giáo viên
- Trung học cơ sở 288 cán bộ quản lý, 4.425 giáo viên
- Trung học phổ thông, GDTX 116 cán bộ quản lý, 2.048 giáo viên.

So với năm 2005, đội ngũ cán bộ quản lý tăng 60 người, giáo viên tăng 657 người (do số cán bộ quản lý và giáo viên được bổ sung đầy đủ hơn).

1.2- Về chất lượng: (So với năm 2005)

- Cán bộ quản lý:

Lý luận chính trị: 64.41% trung cấp trở lên (tăng 33.53%)

Nghiệp vụ quản lý: 89.1% được bồi dưỡng (tăng 20.88%)

Chuyên môn:

Đạt chuẩn 100%, (tăng 2.88 %)

Trong đó trên chuẩn 79.71% (tăng 42.1%)

Đảng viên: 92.68% (tăng 9.1%)

- Giáo viên:

Chuyên môn:

Đạt chuẩn 99.81% (tăng 5.38%);

Trong đó trên chuẩn 50.84% (tăng 37.01%)

Riêng đối với giáo viên THPT đã tốt nghiệp và đang học Thạc sĩ tính đến nay là 233 người (tăng 229 người)
Đảng viên: 42.29% (tăng 20.4%)

3- Đánh giá :

- Đội ngũ cán bộ quản lý bố trí đủ số lượng. Phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và trình độ quản lý được nâng lên.

- Đội ngũ giáo viên số lượng ngày càng tăng đã đáp ứng tương đối đầy đủ các bộ môn theo chương trình giáo dục hiện hành. Phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, số giáo viên dưới chuẩn không đáng kể (0.19%).

- Về hạn chế chung của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên hiện nay trình độ đào tạo tuy có được nâng lên nhưng việc vận dụng vào thực tiễn công tác chưa tương xứng.

Nguyên nhân:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chưa theo kịp yêu cầu phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn hiện nay.

- Các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được trang bị đầu tư ngày càng nhiều nhưng vẫn còn một số trường có cơ sở vật chất còn yếu kém chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa đầu tư nghiên cứu sâu về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

II- MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015:

1- Mục tiêu:

1.1- Mục tiêu chung:

Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tất cả các cấp học, bảo đảm đủ số lượng, đạt chuẩn nghề nghiệp và đồng bộ về cơ cấu; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên và nâng cao chất lượng Đảng viên trong ngành giáo dục; nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống, lương tâm nghiệp vụ của nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

1.2- Mục tiêu cụ thể:

Cán bộ quản lý:

- Đến năm 2015, tất cả trường học đều bố trí đủ cán bộ quản lý theo quy định.

- Về chuyên môn 100% đạt chuẩn, trong đó:

+ 90% cán bộ quản lý trường Mầm non và Tiểu học đạt trình độ từ Cao đẳng trở lên.

+ 90% cán bộ quản lý trường Trung học cơ sở đạt trình độ Đại học trở lên

+ 15% cán bộ quản lý trường Trung học phổ thông đạt trình độ Thạc sĩ trở lên.

- 90% cán bộ quản lý trường học được bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị trở lên
- 90% cán bộ quản lý trường học được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục
- 10% cán bộ quản lý ở Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo đạt trình độ Thạc sĩ trở lên
- 95% cán bộ quản lý là đảng viên.
- 100% đạt chuẩn nghề nghiệp, đến 2015 có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên.

Giáo viên:

- Bổ sung, điều chỉnh, sắp xếp, bố trí giáo viên các cấp học đủ theo biên chế quy định.
- Về chuyên môn 100% đạt chuẩn, trong đó:
 - + 60% giáo viên Mầm non có trình độ cao đẳng trở lên
 - + 80% giáo viên Tiểu học đạt trình độ từ cao đẳng trở lên.
 - + 60% giáo viên Trung học cơ sở đạt trình độ Đại học trở lên.
 - + 15% giáo viên Trung học phổ thông đạt trình độ Thạc sĩ trở lên.
- 50% là đảng viên Đảng CSVN.
- 100% đạt chuẩn nghề nghiệp, đến 2015 có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên.

III- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1- Giải pháp chung:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phát huy tốt sức mạnh tập thể, đảm bảo dân chủ trong công tác cán bộ.
- Tăng cường công tác phát triển Đảng, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục
- Tiếp tục rà soát, đánh giá đội ngũ, trên cơ sở đó tiến hành sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ số lượng, cân đối về cơ cấu, đồng bộ về bộ môn.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ quản lý ở cơ quan Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục.

2- Giải pháp cụ thể:

- Kết hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các ban ngành, đoàn thể, các cấp ủy đảng và chính quyền đoàn thể địa phương tăng cường giáo dục làm cho mọi người nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng hàng đầu đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương sáng về đạo đức và tự học”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Thực hiện tốt chủ đề năm học 2010-2011 và tiếp những năm sau là “Năm học đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục”
- Phối hợp với các cấp ủy Đảng, Đoàn thể địa phương trong công tác xây dựng và phát triển Đảng, Đoàn thể vững mạnh.

Đối với cán bộ quản lý :

- Thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý, mạnh dạn chọn cán bộ trẻ có năng lực bố trí làm công tác lãnh đạo quản lý ở các cơ sở giáo dục và thay thế cán bộ lãnh đạo không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo trong tình hình mới.
- Thực hiện tốt công tác Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, cán bộ đưa vào quy hoạch phải thật sự có đức, có tài nhằm tạo nguồn cho công việc đề bạt bổ nhiệm, bổ sung, thay thế cán bộ quản lý giáo dục.
- Kết hợp với trường Cán bộ Quản lý giáo dục TP Hồ Chí Minh, trường Chính trị tỉnh Bến Tre, trường Cao Đẳng Bến Tre và các trường có liên quan nhằm mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị cho cán bộ quản lý ngành.
- Thực hiện đúng quy trình nhận xét đánh giá cán bộ quản lý hàng năm theo qui định nhằm tạo cơ sở bố trí cán bộ tốt hơn

Đối với Giáo viên:

- Bố trí sử dụng đội ngũ giáo viên đúng theo chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy
- Thực hiện tốt công tác Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, nhất là đào tạo trên chuẩn, tạo điều kiện giáo viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Thực hiện việc tuyển dụng giáo viên hàng năm đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách của Nhà nước.
- Thực hiện tốt các hoạt động bồi dưỡng, kiểm tra chuyên môn và nhận xét đánh giá giáo viên hàng năm.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo
 - Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch
 - Chủ trì phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai quán triệt Kế hoạch trong đội ngũ.
 - Phối hợp Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với từng cấp học theo từng năm học và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.
 - Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ và báo cáo về UBND tỉnh.

2- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối, cấp phát nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc giảng dạy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015 của địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, giao Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các phản ánh của các Sở, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét xử lý kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT và PCT.UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Ban TG TU, Ban VHXXH HĐND tỉnh (để biết);
- Các Sở: GDĐT, SNV, KHĐT, TC (để thực hiện);
- UBND các huyện, TP (để thực hiện);
- Chánh, Phó VP Ng/c TH;
- Ng/c: TH, VHXXH, TCĐT
- Lưu: VT.SGDĐT

PHỤ LỤC
HIỆN TRẠNG VÀ CHỈ TIÊU XÂY DỰNG ĐẾN NĂM 2015

Năm học 2010-2011			Năm học 2014-2015	
	Tổng số	Tỉ lệ so với Tổng số	Tổng số	Tỉ lệ so với tổng số
1- Cán bộ quản lý				
a- Mầm non	252		252	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	252	100%	252	100%
Trong đó trên chuẩn	207	82.14%	227	90%
Dưới chuẩn	0	0	0	
Trung cấp chính trị trở lên	94	37.30%	227	90%
Trình độ quản lý:	252			
Đã bồi dưỡng	224	88.89%	227	90%
Chưa bồi dưỡng	28	11.11%		
Đảng viên:	218	86.51%	239	95%
b- Tiểu học	409		437	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	409	100%	437	100%
Trong đó trên chuẩn	372	90.95%	393	90%
Dưới chuẩn	0	0		
Trung cấp chính trị trở lên	275	67.24%	393	90%
Trình độ quản lý:				
Đã bồi dưỡng	370	90.46%	393	90%
Chưa bồi dưỡng	39	9.54%		
Đảng viên:	384	93.89%	415	95%
c- Trung học cơ sở	288		301	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	288	100%	301	100%
Trong đó trên chuẩn	259	89.93%	270	90%
Dưới chuẩn	0	0		
Trung cấp chính trị trở lên	246	85.42%	270	90%
Trình độ quản lý:	288			
Đã bồi dưỡng	279	96.88%	270	90%
Chưa bồi dưỡng	9	3.12%		
Đảng viên:	273	94.79%	286	95%
d- Trung học phổ thông & GDTX	116		133	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	116	100%	133	100%
Trong đó trên chuẩn	12	10.34%	20	15% (CBQL THPT có trình độ Thạc sĩ trở lên)
Dưới chuẩn	0	0		
Trung cấp chính trị trở lên	88	75.86%	119	90%
Trình độ quản lý:				
Đã bồi dưỡng	89	76.72%	119	90%
Chưa bồi dưỡng	27	23.28%		
Đảng viên:	112	96.55%	126	95%

2. Giáo viên

Năm học 2010-2011			Năm học 2014-2015	
	Tổng số	Tỉ lệ so với Tổng số	Tổng số	Tỉ lệ so với tổng số
a- Mầm non	1247		1900	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	1239	99.36%	1900	100%
Trong đó trên chuẩn	483	38.73%	1140	60%
Dưới chuẩn	8	0.64%		
Đảng viên:	516	41.38%	950	50%
b- Tiểu học	4745		4979	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	4742	99.93%	4979	100%
Trong đó trên chuẩn	3102	65.37%	3983	80%
Dưới chuẩn	3	0.07%		
Đảng viên:	2155	45.42%	2489	50%
c- Trung học cơ sở	4425		4330	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	4421	99.91%	4330	100%
Trong đó trên chuẩn	2520	56.95%	2598	60%
Dưới chuẩn	4	0.09%		
Đảng viên:	1875	42.37%	2165	50%
d- Trung học phổ thông & GDTX	2048		2230	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	2039	99.56%	2230	100%
Trong đó trên chuẩn	233	11.38%	334	15% (giáo viên THPT có trình độ Thạc sĩ trở lên)
Dưới chuẩn	9	0.44%		
Đảng viên:	726	35.45%	1115	50%
3 - Cán bộ quản lý Sở, Phòng GD&ĐT	132		178	
Trình độ chuyên môn				
Đạt chuẩn	132	100%	178	100%
Trong đó trên chuẩn	12	9.09%	18	10% (có trình độ Thạc sĩ trở lên)
Dưới chuẩn	0	0		

Tỷ lệ đảng viên trong ngành bình quân 50% trở lên

BẢNG TỔNG HỢP

Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên theo cấp học

Giáo dục mầm non:

-Nhà trẻ:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số 1-36 tháng tuổi	52.102	52.180	52.232	52.302	52.372
Số cháu đi nhà trẻ	2605	3131	3656	4184	4713
Số nhóm trẻ	109	130	152	174	196
Số giáo viên nhà trẻ	217	261	305	349	393

- Mẫu giáo:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số 3-5 tuổi	52.920	52.716	52.611	52.506	52.401
Số học sinh mẫu giáo	37.573	37.956	38.406	38.854	39.301
Trường mẫu giáo	135	135	135	135	135
Trường mầm non	33	33	33	33	33
Số lớp mẫu giáo	1252	1265	1280	1295	1310
Số giáo viên mẫu giáo	1440	1480	1536	1580	1507

Giáo dục tiểu học

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số trong độ tuổi	95.582	93.513	93.296	91.527	88.402
Số học sinh	97260	95588	94111	90305	88361
Số trường	190	190	190	190	190
Số lớp	3413	3414	3442	3345	3333
Trong đó số lớp học 2 buổi/ngày	1359	1530	1704	1832	1992
Số giáo viên tiểu học	5099	5100	5114	4997	4979

Giáo dục THCS

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số trong độ tuổi	75.019	74.647	72.308	72.322	72.336
Số học sinh	71.670	69.328	70.378	73.093	72.821
Số trường	137	137	137	137	137
Số lớp	2.127	2.101	2.133	2.215	2.207
Số giáo viên THCS	4.178	4.128	4.189	4.345	4.330

Giáo dục THPT

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số trong độ tuổi	66.124	62.950	61.880	58.972	57.969
Số học sinh	38.288	38.767	37.178	36.283	36.001
Số trường	31	31	31	34	34
Số lớp	912	923	929	907	900
Số giáo viên THPT	2.052	2.076	2.090	2.040	2.025

Số : /BC-UBND

Bến Tre, ngày tháng năm 2011

Dự thảo

BÁO CÁO

Tổng kết Kế hoạch 2445/KH-UBND thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010

Ngày 15 tháng 6 năm 2004 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Tỉnh ủy Bến Tre cũng đã có Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị nói trên. Thực hiện Chỉ thị Ban bí thư Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch 2445/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2005 về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010, sau thời gian 5 năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

I- Những kết quả đạt được trong 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 2445/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 40- CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010:

1. Việc củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

1.1- Cán bộ quản lý:

Cán bộ quản lý các cấp từng bước được củng cố về số lượng, chất lượng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Việc rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm nhằm kịp thời thay thế khi có nhu cầu, mạnh dạn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt để phục vụ lâu dài trong ngành.

Đến năm 2010, toàn tỉnh có 1.065 cán bộ quản lý, về trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn: mầm non 82,14% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 32,14%), Tiểu học 90,95% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 40,95%), Trung học cơ sở 89,93% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 39,93%), Trung học phổ thông và trung tâm GDTX 10,34% (chưa đạt so với chỉ tiêu Kế hoạch). **(đính kèm biểu số 1)**

Về trình độ quản lý giáo dục: tổng số cán bộ quản lý được bồi dưỡng 962/1.065, đạt tỷ lệ 90,33% (tăng 41,18% so với năm học 2004-2005, so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 0.33%); về trình độ lý luận chính trị: tổng số cán bộ quản lý đã được bồi dưỡng 703/1.065 tỷ lệ đạt 66,41% (tăng 47,80% so năm học 2004-2005, so với chỉ tiêu Kế hoạch chưa đạt). **(đính kèm biểu số 2, 3)**

Tổng số Đảng viên 987/1.065, đạt tỷ lệ 92,68% (tăng 12,88% so năm học 2004-2005), so với chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND tăng 2,68%. (đính kèm biểu số 8)

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo được tính kế thừa, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa đảm bảo tính ổn định lâu dài, đồng thời luôn xuất phát từ yêu cầu công việc của đơn vị, của ngành nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý. Qua bồi dưỡng, giao việc, thử thách ngành đã từng bước lựa chọn được cán bộ thực sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để bổ nhiệm vào các chức danh quản lý.

Trong 5 năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã tham mưu bổ nhiệm mới 439, bổ nhiệm lại 561, điều động 348 và cho thôi giữ chức vụ 155. Các trường hợp luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý mới đã phát huy tác dụng, hiệu quả quản lý giáo dục được nâng lên. (đính kèm biểu số 4)

1.2- Giáo viên:

Đội ngũ giáo viên ngày càng được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn đào tạo. Hầu hết cán bộ, giáo viên giữ vững được tư tưởng, chính trị, đạo đức, phong cách và lối sống mẫu mực của nhà giáo trong thời kỳ mới.

Đến 2010, toàn tỉnh có 12.465 giáo viên các cấp, về trình độ chuyên môn giáo viên mầm non tỷ lệ đạt chuẩn 99,36%, trong đó trên chuẩn 38,73% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 23,73%), giáo viên tiểu học tỷ lệ đạt chuẩn 99,93%, trong đó trên chuẩn 65,37% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 25,37%), giáo viên Trung học cơ sở tỷ lệ đạt chuẩn 99,96%, trong đó trên chuẩn 56,95% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 16,95%), giáo viên Trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên tỷ lệ đạt chuẩn 99,56%, trong đó trên chuẩn 11,38% (so với chỉ tiêu Kế hoạch vượt 1,38%). Các chỉ tiêu đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn của giáo viên các cấp đều đạt và vượt so với chỉ tiêu Kế hoạch. (đính kèm biểu số 6)

Giáo viên các cấp học từng bước được bổ sung theo Thông tư liên tịch số 35/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập.

Trong 05 năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã tuyển dụng được 2.140 viên chức (GV Mầm non: 393; GV tiểu học: 209; GV THCS: 582; GV THPT: 697; nhân viên: 259). Tình hình giáo viên và nhân viên phục vụ công tác giảng dạy ở các cấp học cơ bản đảm bảo theo qui định của các Thông tư, cụ thể như sau:

Giáo viên mầm non: 1,16 GV/lớp

Giáo viên Tiểu học: 1,35 GV/lớp

Giáo viên THCS: 2,07 GV/lớp

Giáo viên THPT: 2,16 GV/lớp.

2. Công tác khảo sát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để đào tạo, chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nhà giáo.

Công tác khảo sát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ là việc làm thường xuyên trên cơ sở làm tốt công tác thanh tra kết hợp với công tác nhận xét, đánh giá cán bộ. Hầu hết các cán bộ, giáo viên được bố trí phù hợp với năng lực chuyên môn và thực tiễn của từng đơn vị. Từng cán bộ, giáo viên đều có ý thức tự học tập để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu giảng dạy trong giai đoạn mới.

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Hai không”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương sáng về đạo đức và tự học” do ngành giáo dục và đào tạo phát động đã được đội ngũ tích cực hưởng ứng, nhân dân đồng tình, từ đó đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đóng vai trò quan trọng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ mà còn giúp cải thiện chất lượng giáo dục. Trước những yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển giáo dục, đòi hỏi từng cán bộ, viên chức của ngành giáo dục và đào tạo phải không ngừng tự học tập, nghiên cứu để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ giáo dục của ngành, đặc biệt đáp ứng tốt việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

Trong 5 năm qua, số lượng cán bộ, giáo viên đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn ngày càng tăng số giáo viên học thạc sĩ 233, học Đại học 3.653, học Cao đẳng 2.672. (đính kèm biểu số 5,7)

Để thực hiện chính sách cho đội ngũ, đồng thời từng bước củng cố, nâng chất đội ngũ, trong những năm qua Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị định 132 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế, kết quả toàn tỉnh đã có 754 cán bộ quản lý và giáo viên nghỉ theo Nghị định số 132. (đính kèm biểu số 9)

3. Công tác chỉ đạo và kết quả triển khai việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục.

Thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc Hội về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông, UBND ban hành công văn số 422/CV-UB ngày 23/3/2004 về việc thực hiện Nghị quyết 40 và 41 của Quốc hội khóa 10, trên cơ sở đó ngành giáo dục và đào tạo đã ban hành các văn bản để chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình phổ thông, ngành giáo dục và đào tạo đã tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên với nhiều nội dung và hình thức cụ thể, bao gồm: bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ, đào tạo bổ sung, bồi dưỡng cập nhật kiến thức kỹ năng thông qua thực hiện bồi dưỡng thường xuyên

theo chu kỳ và tập huấn chuyên môn về thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa mới; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Sau 05 năm triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đội ngũ giáo viên đã có sự chuyển biến tích cực trong việc khai thác, sử dụng đồ dùng dạy học, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng. Phương pháp dạy học linh hoạt hơn, khắc phục được kiểu truyền thụ một chiều, đồng thời phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Hoạt động chuyên môn ở các trường tiếp tục được giữ vững và phong phú hơn. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được cải tiến theo hướng đánh giá đúng năng lực học tập của học sinh.

4. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Trên cơ sở nghiên cứu và vận dụng các văn bản chỉ đạo của trung ương và địa phương, ngành giáo dục và đào tạo từng bước tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cán bộ quản lý giáo dục các cấp, qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục luôn gắn liền với việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, nâng cao tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

Công tác tuyển chọn, bố trí, sử dụng và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý luôn được quan tâm, đồng thời gắn với công tác đào tạo, bồi dưỡng. Trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã đề ra nhiều biện pháp nhằm tuyển chọn được đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực tốt phục vụ trong ngành. Nhiều cán bộ quản lý dự nhiệm được đưa đi đào tạo trên chuẩn về chuyên môn, đạt chuẩn về lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý giáo dục để kịp thời bổ sung, thay thế khi có nhu cầu.

Toàn ngành đã thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa, điều hành và quản lý nhà trường bằng kế hoạch trên cơ sở thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, quy chế phối hợp trong và ngoài nhà trường. Mạng lưới thanh tra các cấp từng bước được kiện toàn, đảm bảo đủ trình độ và năng lực để thực hiện nhiệm vụ; công tác thanh, kiểm tra các cấp luôn bám sát kế hoạch đề ra. Qua thanh tra, đã góp phần tích cực trong xây dựng nền nếp, kỷ cương trong ngành.

5. Việc thực hiện các chính sách, chế độ để góp phần nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Các chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện kịp thời và đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của cán bộ, viên chức.

Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước quy định, UBND tỉnh đã ban hành một số chế độ chính sách riêng cho cán bộ, giáo viên của tỉnh như : Chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên không thuộc biên chế Thanh tra được Phòng hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo điều động thanh tra chuyên đề, thanh tra toàn diện; Chế độ cho cán bộ, giáo viên tham gia kiểm tra, công nhận giáo viên dạy giỏi,..

6. Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Cùng với ngành giáo dục và đào tạo, các cấp ủy đảng, chính quyền địa luôn quan tâm đến việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.

Trên cơ sở Chương trình hành động số 28 - CTr/TU ngày 10/11/2004 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 2445/KH-UBND ngày 31/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010, trong 05 năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre luôn quan tâm và không ngừng đề ra nhiều biện pháp nhằm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của tỉnh, bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định góp phần đưa chất lượng giáo dục của tỉnh nhà ngày một tốt hơn.

Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh cũng đã được Huyện ủy, UBND các huyện cụ thể hóa và triển khai thực hiện, từng lúc có tiến hành kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm; công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ các cơ sở giáo dục luôn có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý trực tiếp và cấp ủy địa phương, từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Toàn ngành giáo dục và đào tạo cũng đã xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh; các tổ chức chính trị trong nhà trường từng bước được củng cố và phát huy vai trò, vị trí trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Công đoàn cơ sở trường học ngày càng hoạt động hiệu quả hơn, thật sự là tổ chức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ lợi ích chính đáng của cán bộ, giáo viên; Công tác phát triển Đảng viên trong ngành giáo dục và đào tạo cũng được các cấp ủy Đảng quan tâm, đến nay có 6791 đảng viên/15.112 cán bộ, viên chức, đạt tỷ lệ 44,94% (so chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND vượt 14,94%) (đính kèm biểu số 8)

II- Nhận xét, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch 2445/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 40- CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2005-2010:

1. Ưu điểm:

Sau 05 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 2445/KH-UBND cho thấy đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của ngành ngày càng nhận thức tốt hơn về vị trí, trách nhiệm của mình trong việc nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà nói riêng và của cả nước nói chung trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặc biệt với cuộc vận động “ Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục; Nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và chống ngồi nhầm lớp” và cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên trong ngành đã tích cực phấn đấu hơn trong việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống và lương tâm nghề nghiệp nhằm phục vụ tốt cho sự nghiệp giáo dục.

Hầu hết cán bộ, giáo viên trong ngành đều có ý thức phấn đấu và có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, ngành giáo dục và đào tạo đã tạo điều kiện và cử nhiều giáo viên đi học tập đạt chuẩn, trên chuẩn về chuyên môn.

Đội ngũ giáo viên đã từng bước được sắp xếp bố trí sử dụng hợp lý đảm bảo chỉ tiêu biên chế quy định, hiện tượng vừa thừa, vừa thiếu từng bước đã được khắc phục. Công tác nhận xét, đánh giá ngày càng đi vào thực chất, đảm bảo phản ánh được năng lực của đội ngũ, trong những năm qua ngành giáo dục và đào tạo cũng đã tăng cường đẩy mạnh việc thực hiện Kế hoạch số 1490/KH-UBND của UBND tỉnh về sắp xếp đội ngũ viên chức phổ thông công lập, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 132 về tinh giản biên chế, qua đó từng bước nâng chất đội ngũ đáp ứng tốt hơn nhu cầu giảng dạy và học tập trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở chỉ đạo của ngành giáo dục và đào tạo và cấp ủy địa phương, công tác quy hoạch cán bộ dự bị, dự nguồn các chức danh quản lý trường học từng bước đi vào nền nếp và được thực hiện dân chủ trên cơ sở tín nhiệm của tập thể, từ đó tạo cơ sở cho việc lựa chọn được những cán bộ giỏi, có tâm huyết phục vụ trong ngành.

Chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện kịp thời, ngoài những chính sách do trung ương quy định, ngành giáo dục và đào tạo từng lúc tham mưu UBND tỉnh ban hành một số chế độ, chính sách từ đó đã góp phần động viên đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhìn chung, công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo Kế hoạch 2445/KH-UBND của ngành giáo dục và đào tạo trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên từng bước được bổ sung, được tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “ Hai không”, “ Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương sáng về đạo đức và tự học” đã được cán bộ, viên chức toàn ngành tích cực hưởng ứng, từ đó đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và việc làm cụ thể trong quản lý, giảng dạy và học tập.

2. Những tồn tại hạn chế:

Trước những yêu cầu ngày càng nâng cao của công tác quản lý và giảng dạy, một số cán bộ, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu, giảng dạy còn nặng về lý thuyết, còn lúng túng trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Công tác qui hoạch cán bộ dự bị, dự nguồn các chức danh quản lý trường học chưa thật sự ổn định, cấp ủy và thủ trưởng đơn vị chưa phối hợp chặt chẽ để lựa chọn đưa cán bộ vào qui hoạch, do vậy việc lựa chọn cán bộ giỏi thay thế khi có nhu cầu ở một vài đơn vị còn khó khăn.

Tỷ lệ cán bộ quản lý trường học đạt chuẩn về lý luận chính trị còn thấp so với kế hoạch. Tỷ lệ trình độ chuyên môn trên chuẩn của cán bộ quản lý ở cấp Trung học phổ thông còn thấp so với kế hoạch.

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, giáo viên còn một số hạn chế nhất định, chưa thật sự phản ánh đúng thực chất năng lực của cán bộ, viên chức. Nội dung nhận xét đánh giá, nhất là đối với cán bộ quản lý chưa thực sự cụ thể, chưa thể hiện rõ kết quả các mặt công tác trong quản lý trường học.

Một số cán bộ quản lý và giáo viên còn ngại khó, hạn chế về năng lực và tầm nhìn; chưa tự giác học tập, nghiên cứu, chậm đổi mới trong công tác quản lý, giảng dạy, đặc biệt là chưa khai thác triệt để trang thiết bị dạy học. Một số ít giáo viên, nhân viên vẫn chưa an tâm phục vụ lâu dài trong ngành giáo dục trước những diễn biến phức tạp của nền kinh tế thị trường.

3. Nguyên nhân của những hạn chế:

Một số giáo viên giảng dạy còn nặng về lý thuyết, thực hiện phương pháp giảng dạy chưa phù hợp, chưa thể hiện trách nhiệm cao trong công tác giảng dạy, ít nghiên cứu, tự học tập, tự rèn luyện.

Công tác qui hoạch cán bộ tại một số đơn vị chưa được quan tâm, chưa thực sự chọn lựa được cán bộ, giáo viên có năng lực tốt để đưa vào qui hoạch đồng thời chưa có kế hoạch theo dõi, bồi dưỡng để kịp thời đảm nhiệm chức vụ khi có nhu cầu. Do vậy, vẫn còn trường hợp sau khi bổ nhiệm, cán bộ không phát huy được năng lực của mình, từ đó đưa hiệu quả quản lý không cao.

Một bộ phận cán bộ quản lý chưa tiếp cận được yêu cầu đổi mới của công tác quản lý giáo dục hiện nay, chưa tích cực nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của trung ương, địa phương về lĩnh vực giáo dục nên vận dụng còn lúng túng.

Công tác đánh giá cán bộ, giáo viên vẫn chưa thật sự đi vào chiều sâu, còn nể nang, nội dung đánh giá chưa thật cụ thể, chưa mang tính định lượng, từ đó kết quả đánh giá chưa phản ánh đúng thực tế năng lực của từng cán bộ, giáo viên gây khó khăn trong việc bố trí, sử dụng đội ngũ.

4. Những công việc cần tập trung trong thời gian tới.

4.1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư, về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

4.2. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị định số 132-NĐ/CP về tinh giản biên chế.

4.3. Đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn trên chuẩn trong đội ngũ thông qua việc phối hợp, liên kết với các trường đại học đào tạo trong tỉnh và ngoài tỉnh. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, Học viện Cán bộ quản lý để bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý đương chức và dự bị, dự nguồn.

4.4. Thực hiện tốt hơn nữa công tác nhận xét, đánh giá hàng năm trong đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, từng bước nghiên cứu, đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, qua đó tạo cơ sở cho việc bố trí, sử dụng tốt đội ngũ.

4.5. Tăng cường công tác thanh tra, đánh giá các hoạt động giáo dục, qua đó giúp phát huy những mặt tích cực trong quản lý và dạy học; kịp thời uốn nắn, điều chỉnh những mặt hạn chế góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

4.6. Đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, chương trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và tự học của học sinh.

4.7. Nâng cao nhận thức trong toàn đội ngũ về công tác qui hoạch cán bộ quản lý trường học; về vị trí, nhiệm vụ của cán bộ quản lý trong công tác quản lý trường học; tiếp tục rà soát, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo qui định của Điều lệ trường học và Quyết định số 27/QĐ-TTg; Quyết định số 770-QĐ/TU của Tỉnh ủy Bến Tre về công tác bổ nhiệm cán bộ.

4.8. Tích cực hưởng ứng các cuộc vận động: “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “ Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương sáng về đạo đức và tự học”, “ Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, qua đó giúp nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, viên chức ngành giáo dục về vị trí, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý, giảng dạy trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT và PCT.UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Ban TG TU, Ban VHXXH HĐND tỉnh (để biết);
- Các Sở : GDĐT, Sở Nội vụ (để thực hiện);
- UBND các huyện, TP (để thực hiện);
- Chánh, Phó VP Ng/c TH;
- Ng/c: TH, VHXXH, TCĐT;
- Lưu: VT.SGDĐT

BIỂU 1: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
Giai đoạn 2005-2010

Chức danh (cán bộ quản lý)	Năm 2005							Năm 2010							Chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND đến năm 2010										
	Trình độ chuyên môn							Trình độ chuẩn									Trình độ chuyên môn							Trình độ chuẩn	
	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	dưới chuẩn	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp			Dưới Trung cấp	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	dưới chuẩn	Trên chuẩn	Đạt chuẩn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21					
Mầm non	195	0	19	19	144	13	19.49%	73.85%	6.67%	252	0	29	178	45		82.14%	17.86%		50%	50%					
Tiểu học	435	0	77	81	263	14	36.32%	60.47%	3.21%	409	1	197	174	37		90.95%	9.05%		50%	50%					
THCS	272	0	179	91	2	0	65.58%	33.69%	0.73%	288	0	259	29			89.93%	10.07%		50%	50%					
THPT & TTGD TX	103	3	100	0	0	0	2.91%	97.09%		116	12	104				10.34%	89.66%		25%	75%					
Tổng cộng	1005	3	375	191	409	27				1065	13	589	381	82											

BIỂU 2: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ
Giai đoạn 2005-2010

Chức danh (Cán bộ quản lý)	Năm 2005						Năm 2010						Chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND đến năm 2010
	Trình độ quản lý giáo dục			Tỷ lệ trình độ quản lý giáo dục			Trình độ quản lý giáo dục			Tỷ lệ trình độ quản lý giáo dục \			
	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng QLGD (%)	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)	Đã bồi dưỡng QLGD (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Mầm non	195	80	45	41.03%	58.97%	252	224	28	88.89%	11.11%	90%		
Tiểu học	435	244	191	56.09%	43.91%	409	370	39	90.46%	9.54%	90%		
THCS	272	111	161	40.81%	59.19%	288	279	9	96.88%	3.12%	100%		
THPT & TTGD TX	103	59	44	57.28%	42.72%	116	89	27	76.72%	23.28%	90%		
Tổng cộng	1005	494	441	49.15%	50.85%	1065	962	103	90.33%	9.67%			

BIỂU 3: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ
Giai đoạn 2005-2010

Chức danh (Cán bộ quản lý)	Năm 2005						Năm 2010						Chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH- UBND đến năm 2010
	Trình độ lý luận chính trị			Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị			Trình độ lý luận chính trị			Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị			
	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng Trung cấp chính trị trở lên	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng Trung cấp chính trị trở lên (%)	Chưa bồi dưỡng (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng Trung cấp chính trị trở lên	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng Trung cấp chính trị trở lên (%)	Chưa bồi dưỡng (%)	Đã bồi dưỡng Trung cấp chính trị trở lên (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Mâm non	195	7	175	3.59%	96.41%	252	94	158	37.30%	62.70%	90%		
Tiểu học	435	72	296	16.55%	83.45%	409	275	134	67.24%	32.76%	90%		
THCS	272	76	150	27.94%	72.06%	288	246	42	85.42%	14.58%	90%		
THPT & TTGDTX	103	28	38	27.18%	72.82%	116	88	28	75.86%	24.14%	90%		
Tổng cộng	1005	183	659	18.21%	81.79%	1065	703	362	66.01%	33.99%			

Biểu 4: THÔNG KÊ CÔNG TÁC BỎ NHIỆM CÁN BỘ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Giai đoạn 2005-2010

Nội dung Năm	Các đơn vị trực thuộc Phòng GD&ĐT				Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT				Ghi chú
	Bỏ nhiệm mới	Bỏ nhiệm lại	Thời giữ chức vụ	Điều động	Bỏ nhiệm mới	Bỏ nhiệm lại	Thời giữ chức vụ	Điều động	
Năm 2006	110	121	42	65	13	8	2	2	
Năm 2007	56	67	23	34	7	0	1	3	
Năm 2008	45	56	27	44	13	9	2	10	
Năm 2009	83	57	21	80	16	23	7	8	
Năm 2010	83	215	28	99	13	5	2	3	
Tổng cộng	377	516	141	322	62	45	14	26	

**Biểu 5: TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ
Giai đoạn 2005-2010**

Đội ngũ CBQL	Năm 2006				Năm 2007				Năm 2008				Năm 2009				Năm 2010								
	Đào tạo CB	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng QLGD	Bồi dưỡng LLCT	Đào tạo CB	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng QLGD	Bồi dưỡng LLCT	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng QLGD	Bồi dưỡng LLCT	Đào tạo CB	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng QLGD	Bồi dưỡng LLCT						
Mầm non	44	1	0	13	6	41	4	0	28	9	50	15	0	38	17	21	24	0	36	31	17	55	0	25	21
Tiểu học	49	28	1	30	24	36	30	0	28	21	15	31	0	57	40	19	37	1	54	58	9	26	3	22	41
THCS	0	47	0	35	28	0	28	0	19	20	0	13	0	40	22	0	11	0	27	43	0	13	2	16	24
THPT & TTGD TX	0	0	0	18	1	0	0	2	3	7	0	1	6	3	17	0	0	2	0	19	0	0	2	5	9
Tổng cộng	93	76	1	96	59	77	62	2	78	57	65	60	6	138	96	40	72	3	117	151	26	94	7	68	95

BIỂU 6: THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG CỦA ĐỘI NGŪ GIÁO VIÊN
Giai đoạn 2005-2010

Chức danh (giáo viên)	Năm 2005										Năm 2010										Chỉ tiêu Kế hoạch 2445/KH- UBND đến năm 2010	
	Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn						
	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	dưới chuẩn	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	dưới chuẩn	Trên chuẩn	Đạt chuẩn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
Mầm non	1107	0	3	39	923	142	3.79%	83.38%	12.83%	1247	0	34	449	756	8	38.73%	60.63%	0.64%	15%	85%		
Tiểu học	4905	0	228	569	3860	248	16.24%	78.70%	5.06%	4745	0	905	2197	1640	3	65.37%	34.56%	0.07%	40%	60%		
THCS	4299	0	790	3404	105	0	18.38%	79.18%	2.44%	4425	0	2520	1901	4	0	56.95%	42.96%	0.09%	40%	60%		
THPT&TT GD TX	1497	4	1330	156	6	1	0.27%	88.84%	10.89%	2048	233	1806	5	3	1	11.38%	88.18%	0.44%	10%	90%		
Tổng cộng	11808	4	2351	4168	4894	391				12465	233	5265	4552	2403	12							

Biểu 7: TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŪ GIÁO VIÊN
Giai đoạn 2005-2010

Đội ngũ Giáo viên	Năm 2006			Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010							
	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo CD	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo CD	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo CD	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo DH	Đào tạo Thạc sĩ						
Mầm non	5	50	3	0	9	97	13	0	10	132	29	1	3	199	63	0	13	216	143	0
Tiểu học	112	444	149	0	73	366	195	0	62	372	209	0	52	472	335	0	39	483	424	2
THCS	2	95	465	0	4	84	424	0	3	115	387	2	35	75,5	399	2	2	29	304	3
THPT & TTGDTX	1	1	22	30	0	1	38	35	0	0	43	56	0	0	3	50	0	0	5	55
Tổng cộng	120	590	639	30	86	548	670	35	75	619	668	59	90	747	800	52	54	728	876	60

BIỂU 8: THÔNG KÊ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Giai đoạn 2005-2010

Cấp học	Năm học 2004-2005				Năm học 2009-2010				Chi tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND đến năm 2010	So với Chi tiêu Kế hoạch 2445/KH-UBND đến năm 2010
	Tổng số	Trong đó Đảng viên	Tỷ lệ Đảng viên (%)	Tổng số	Trong đó Đảng viên	Tỷ lệ Đảng viên (%)	Tỷ lệ Đảng viên (%)	Tỷ lệ Đảng viên tăng (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
I. Mầm non	1509	335	22.20%	1814	824	45.42%				
CBQL	195	128	65.64%	252	218	86.51%	80%	6.51%		
Giáo viên	1107	189	17.07%	1247	516	41.38%				
Còn lại	207	18	8.70%	315	90	28.57%				
II- Tiểu học	5871	1799	30.64%	5675	2747	48.41%				
CBQL	435	360	82.76%	409	384	93.89%	90%	3.89%		
Giáo viên	4905	1293	26.36%	4745	2155	45.42%				
Còn lại	531	146	27.50%	521	208	39.92%				
III- THCS	4953	1165	23.52%	5249	2335	44.48%				
CBQL	272	228	83.82%	288	273	94.79%	90%	4.79%		
Giáo viên	4299	867	20.17%	4425	1875	42.37%				
Còn lại	382	70	18.32%	536	187	34.89%				
IV- THPT & Trung tâm GDTX, KTTT-HN	1709	362	21.18%	2374	885	37.28%				
CBQL	103	86	83.50%	116	112	96.55%	90%	6.55%		
Giáo viên	1497	255	17.03%	2048	726	35.45%				
Còn lại	109	21	19.27%	210	47	22.38%				
Tổng cộng Toàn ngành GD&ĐT	14042	3661	26.07%	15112	6791	44.94%	30%	14.94%		
CBQL	1005	802	79.80%	1065	987	92.68%				
Giáo viên	11808	2604	22.05%	12465	5272	42.29%				
Còn lại	1229	255	20.75%	1582	532	33.63%				

BIỂU 9: THỐNG KÊ NGHỈ HƯU THEO NGHỊ ĐỊNH 132

Giai đoạn 2007-2010

Cấp học	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6
I.Mầm non	7	18	43	27	95
CBQL	0	1	4	3	8
Giáo viên	4	15	35	21	75
Còn lại	3	2	4	3	12
II-Tiểu học	35	175	137	107	454
CBQL	2	6	5	3	16
Giáo viên	26	146	114	93	379
Còn lại	7	23	18	11	59
III-THCS	4	51	69	56	180
CBQL	0	5	5	7	17
Giáo viên	4	37	57	41	139
Còn lại	0	9	7	8	24
IV-THPT & TTGDTX	1	9	5	10	25
CBQL	0	2	1	1	4
Giáo viên	1	6	4	6	17
Còn lại	0	1	0	3	4
Tổng cộng	47	253	254	200	754